

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2329/QĐ-BXD ngày 16/05/2005 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An thành Công ty cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100503295 ngày 05 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28 tháng 6 năm 2011 với tổng số vốn điều lệ: 85.500.000.000 đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: IDICO - Long An Investment Construction Joint Stock Company

Trụ sở chính: Đường số 1, Khu dân cư Trung tâm phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Xuân Tiến	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Ông Nguyễn Huy Thiện	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Ông Võ Hữu Đức	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Bà Đinh Diệp Nhật Trâm	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Ông Nguyễn Bá Chủ	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Ông Lê Thế Luân	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Xuân Tiến	Giám đốc
	Ông Nguyễn Huy Thiện	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Văn Lộc	Phó Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Nguyễn Xuân Tiên**  
**Giám đốc**

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

101  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA  
LIÊN BANG  
VIỆT NAM

Số: 160/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 32 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã thực hiện điều chỉnh và trình bày lại số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã kiểm toán. Chúng tôi đã kiểm tra các điều chỉnh được nêu trong Thuyết minh số 6.1 để trình bày lại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh này là phù hợp và đã được thực hiện đúng đắn.



**Nguyễn Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens International Limited  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

**Nguyễn Song Toàn**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1551/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND (trình bày lại)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>65.085.432.951</b>	<b>84.124.035.433</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.084.347.393</b>	<b>20.711.499.427</b>
1. Tiền	111		3.084.347.393	20.711.499.427
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.025.412.747</b>	<b>31.063.488.504</b>
1. Phải thu khách hàng	131		29.825.028.317	22.654.333.455
2. Trả trước cho người bán	132		2.032.472.234	2.087.674.681
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	5.329.853.645	7.241.138.559
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.161.941.449)	(919.658.191)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>21.188.646.980</b>	<b>26.694.101.409</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.591.073.675	26.694.101.409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(402.426.695)	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.787.025.831</b>	<b>5.654.946.093</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		278.471.220	284.024.085
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		659.036.203	1.024.294.767
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.849.518.408	4.346.627.241
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>153.705.695.250</b>	<b>110.300.635.351</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>146.370.381.278</b>	<b>103.144.965.678</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	19.394.836.295	21.002.843.240
- Nguyên giá	222		31.614.601.960	30.962.966.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.219.765.665)	(9.960.123.265)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	182.376.098	182.376.098
- Nguyên giá	228		182.376.098	182.376.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	126.793.168.885	81.959.746.340
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.810.000.000</b>	<b>6.810.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	6.810.000.000	6.810.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>525.313.972</b>	<b>345.669.673</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		377.451.987	172.231.924
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	147.861.985	173.437.749
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>218.791.128.201</b>	<b>194.424.670.784</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND (trình bày lại)
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>112.864.629.982</b>	<b>84.184.181.755</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>78.589.740.975</b>	<b>66.193.727.131</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	21.690.138.637	21.332.572.220
2. Phải trả người bán	312		17.219.824.981	12.213.765.644
3. Người mua trả tiền trước	313		22.316.097.250	13.860.139.810
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.917.568.643	2.696.451.250
5. Phải trả người lao động	315		1.056.766.298	884.204.176
6. Chi phí phải trả	316	5.12	841.869.374	8.334.326.364
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	12.796.450.326	5.150.515.316
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		751.025.466	1.721.752.351
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>34.274.889.007</b>	<b>17.990.454.624</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	17.930.773.120	17.930.773.120
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	16.250.000.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		94.115.887	59.681.504
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.926.498.219</b>	<b>110.240.489.029</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>105.926.498.219</b>	<b>110.240.489.029</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.500.000.000	85.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.000.000.000	9.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.042.907.420	1.042.907.420
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.590.352.430	2.590.352.430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.346.383.857	2.346.383.857
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.446.854.512	9.760.845.322
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>218.791.128.201</b>	<b>194.424.670.784</b>

Người lập biểu



Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tiến

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Giám đốc




Nguyễn Xuân Tiến

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	119.115.556.625	100.571.127.041
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		119.115.556.625	100.571.127.041
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	102.432.281.180	80.295.885.302
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.683.275.445	20.275.241.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	1.905.103.911	7.234.760.092
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.736.719.855	4.095.203.055
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.736.719.855	4.095.203.055
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	5.090.194.333	4.559.761.352
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	7.862.256.116	7.649.291.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.899.209.052	11.205.745.643
11. Thu nhập khác	31		2.859.859.799	3.803.523.804
12. Chi phí khác	32		104.404.784	64.646.567
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	2.755.455.015	3.738.877.237
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.654.664.067	14.944.622.880
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.319.654.877	2.681.787.793
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.335.009.190	12.262.835.087
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	507	2.128

Người lập biểu



Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tiến

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Giám đốc




Nguyễn Xuân Tiến



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
			(trình bày lại)	
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.654.664.067	14.944.622.880
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.259.642.400	2.011.347.959
- Các khoản dự phòng	03		644.709.953	(915.988.178)
- Chi phí lãi vay	06		2.736.719.855	4.095.203.055
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.295.736.275	20.135.185.716
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.316.264.340)	7.438.701.926
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.103.027.734	660.929.682
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.319.261.272	(22.011.805.763)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(199.667.198)	(333.146.946)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.736.719.855)	(4.095.203.055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.595.307.454)	(3.375.765.665)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.069.726.885)	(2.002.281.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.800.339.549	(3.583.386.104)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.485.058.000)	(10.192.123.203)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(60.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.485.058.000)	(10.252.123.203)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	28.500.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		70.613.631.420	4.826.305.835
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(54.006.065.003)	(27.640.709.390)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.550.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.057.566.417	5.685.596.445
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(17.627.152.034)	(8.149.912.862)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.711.499.427	28.861.412.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.084.347.393	20.711.499.427

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Quốc Tài

Nguyễn Đức Tiến

Nguyễn Xuân Tiến

